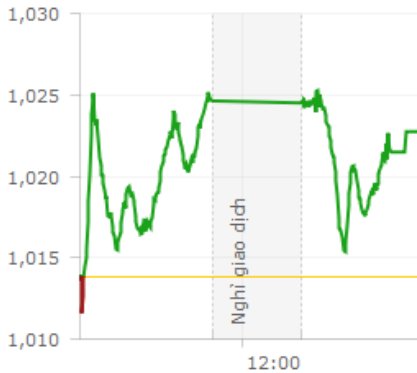


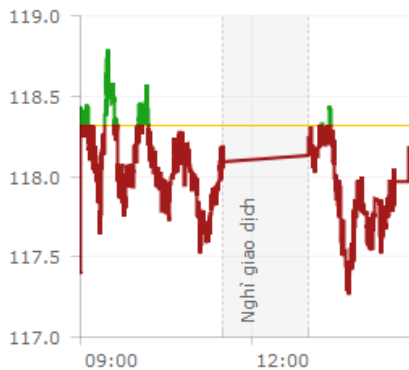
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 05/06/2018

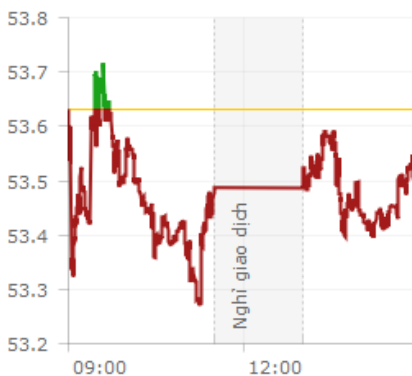
Vn-index: 8.96 điểm (0.88%)



Hnx-index: 0.14 điểm (0.11%)



Upcom-index: 0.03 điểm (0.05%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
 Xu thế trung hạn: **Giảm**
 Xu thế dài hạn: **Tăng**

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 05/06/2018). Chịu áp lực chốt lời mạnh khiến VN-Index có lúc bị đẩy mạnh xuống sát tham chiếu, nhưng nhờ lực cầu vẫn duy trì tốt, nên VN-Index tiếp tục có phiên tăng điểm và đóng cửa trên ngưỡng 1.020 điểm, trong khi đó thì chỉ số Hn-index lại giảm nhẹ. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 8,96 điểm (0,88%) lên 1.022,74 điểm với khối lượng giao dịch đạt 212,46 triệu CP, trị giá 7.815,25 tỷ đồng; Hn-index giảm nhẹ 0,14 (0,11%) xuống 118,18 điểm với khối lượng giao dịch đạt 64,75 triệu CP, trị giá 959,92 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản của thị trường tăng so với phiên hôm trước với khối lượng khớp lệnh trên 2 sàn đạt 277,21 triệu cổ phiếu, tương ứng với mức giá trị 8.775 tỷ đồng, trong đó có hơn 3.2540 tỷ đồng giao dịch thỏa thuận với hơn 48 triệu CP trao tay. Nổi bật có 17,5 triệu CP VIC đã được thỏa thuận trong phiên chiều với tổng giá trị 2.082,5 tỷ đồng; 5,6 triệu CP NVL trị giá 289 tỷ đồng.

Điểm nhấn: Đà tăng đã dịu bớt khi áp lực chốt lời lớn mạnh hơn, khiến cho 2 chỉ số đóng phiên trái chiều. Tuy nhiên, lực mua vẫn khá tích cực, đặc biệt là tại nhóm CP trụ cột, giúp cho chỉ số Vn-index tăng điểm. Đó là các mã GAS và PVD tăng trần lần lượt 6.400 đồng lên mức 98.700 đồng/cp và 950 đồng lên mức 14.650 đồng/cp. Các mã lớn khác như VNM tăng 2.000 đồng lên 177.000 đồng/cp, VIC tăng 1.100 đồng lên 121.100 đồng/cp, DHG tăng 6.000 đồng lên 115.000 đồng/cp và MSN lên 1.200 đồng lên 85.400 đồng/cp. Không những thế, thị trường còn đón nhận sự lan tỏa của dòng tiền đến các nhóm khác. Mà ấn tượng nhất trong phiên hôm nay là dòng thủy sản với VHC, IDI, ASM đều đóng cửa ở mức kịch trần với thanh khoản tăng gấp rưỡi so với mức trung bình 10 phiên gần đây. Dòng bất động sản có sự tăng giá tốt khi những mã hàng đầu như DXG, NLG, KDH đều đóng cửa ở mức giá xanh.

Dòng CP vua dẫn dắt các phiên hôm trước, thì hôm nay có phần giảm nhiệt. TCB của Techcombank giảm về mức thấp nhất ngày, mất đi 6,25% giá trị so với phiên trước và là cổ phiếu khiến VNIndex giảm nhiều nhất. Ngoài ra còn có VCB, ACB, BID, TPB cũng gia nhập nhóm giảm giá. Một số CP khác như HPG cũng chịu sự điều chỉnh sau khi tăng mạnh từ đáy, VRE giảm 300 đồng xuống 45.300 đồng/cp... đã góp phần "hạ nhiệt" chỉ số. Bên cạnh đó, các CP lớn như ACB lại giảm 0,71%, xuống 41.700 đồng, VGC giảm 0,82%, xuống 24.300 và NTP giảm 3,59%, xuống 51.000 đồng đã khiến chỉ số HNX-Index đóng cửa trong sắc đỏ.

Khối ngoại: Sau khi bán ròng nhẹ 35 tỷ đồng phiên hôm qua, sang đến phiên hôm nay khối ngoại vẫn rút ra 61,6 tỷ đồng trên thị trường Chứng khoán Việt. Trên sàn HOSE, khối ngoại đã bán ròng hơn 4,36 triệu đơn vị, với tổng giá trị bán ròng tương ứng 36,69 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại đã bán ròng hơn 1,32 triệu đơn vị, với tổng giá trị bán ròng tương ứng 25,65 tỷ đồng.

Nhóm ngành:

Áp lực chốt lời gia tăng, nhưng chỉ số Vn-index vẫn duy trì được sắc xanh với nhóm ngành tăng điểm chiếm áp đảo 15/18 ngành. Trong đó, Xăng dầu khí đốt tăng mạnh nhất với mức tăng 5,49% với sự dẫn đầu của GAS. Dầu khí tăng 4,49% và y tế tăng 2,62%.

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
 Xu thế trung hạn: **Giảm**
 Xu thế dài hạn: **Tăng**

Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong Top 10 mã vốn hóa lớn nhất sàn, ngoại trừ GAS khởi sắc (tăng trần lên 98.700 đồng), đà tăng cũng trở lại với cặp đôi VIC và VHM, nhưng rất nhẹ 0,92%, lên 121.100 đồng và 118.000 đồng. Ngoài ra, đà tăng cũng được duy trì tại VNM (+1,72%, lên 177.000 đồng), SAB (+2,48%, lên 247.600 đồng), CTG (+1,61%, lên 28.400 đồng).

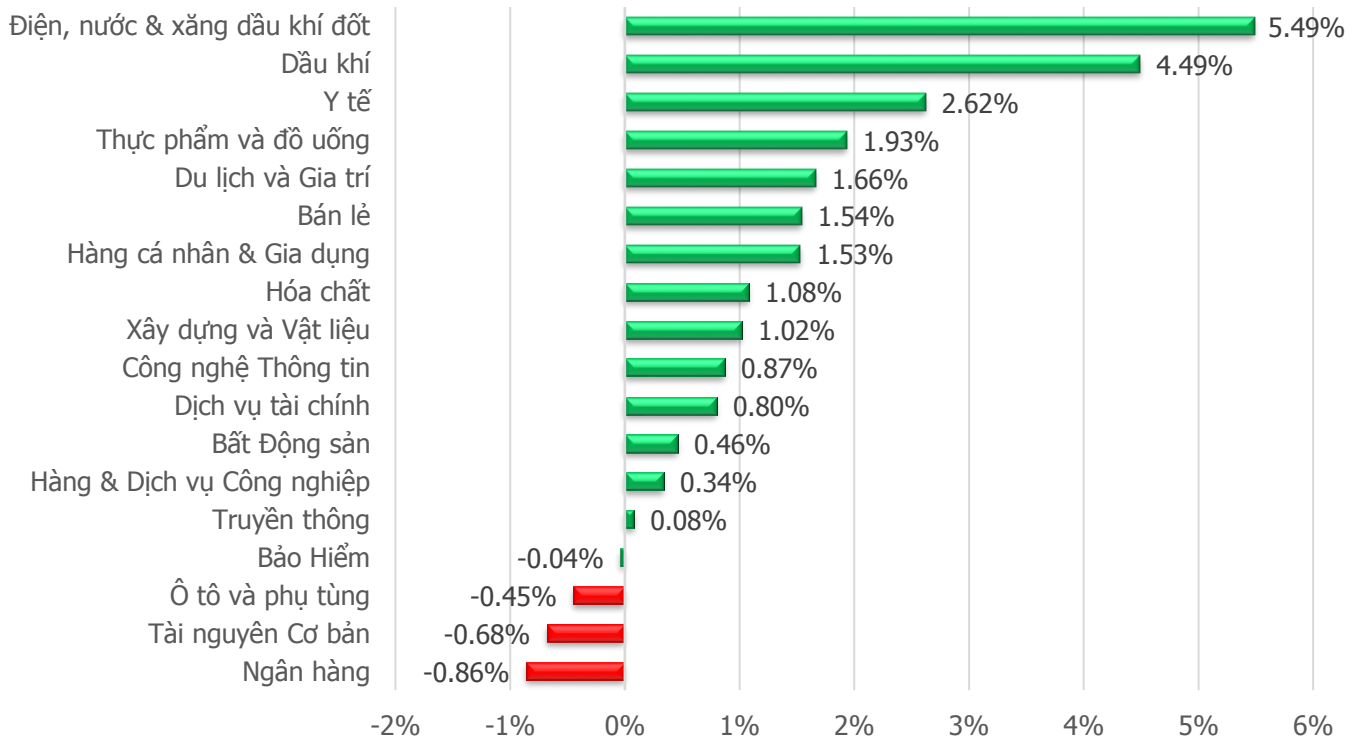
Nhóm CP ngân hàng: Có sự phân hóa và chịu áp lực chốt lời khá mạnh, tân binh TCB tiếp tục giảm sâu 6,25%, xuống 96.000, VCB cũng giảm 1,18%, BID cũng mất 0,33%. Chiều tăng có EIB tăng mạnh nhất 3,69%, STB tăng 2,79%, VPB tăng nhẹ 0,41%, HDB tăng 0,47%...

Nhóm CP đầu khí: GAS và PVD tăng trần, PLX cũng tăng mạnh 4,46%, lên 65.600 đồng, PVT tăng 3,66%, lên 17.000 đồng, PXS tăng 4,17%, lên 5.750 đồng. Trên HNX, PVX tăng trần 1.600 đồng, PVS tăng 3,41%, PVB tăng 1,84%.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Thanh khoản tăng khá tốt, nhưng 2 sàn đã có sự trái chiều và không còn duy trì được sự đồng thuận tăng điểm như 3 phiên trước đó. Áp lực bán chốt lời đã có xu hướng mạnh dần lên, khiến cho chỉ số Vn-index thu hẹp đà tăng và chỉ số Hn-index thì quay đầu điều chỉnh nhẹ. Ngưỡng kháng cự chúng tôi kỳ vọng 1.020 điểm đã bị bẻ gãy, khi thị trường đóng cửa 1.022,74 điểm. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận thấy khối giao dịch tăng, nhưng xung lực tăng điểm lại yếu khi vượt ngưỡng. Điều đó khiến chúng tôi nghi vẫn cho xu hướng tăng điểm trong các phiên tới. Vì vậy, tiếp tục căn bản một phần danh mục đã có lợi nhuận, và quay dòng tiền sang các CP đã tích lũy nhưng chưa bứt phá trong giai đoạn phục hồi vừa qua.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TSC	2,140	140	7.00%	973,550
VNL	19,900	1,300	6.99%	20
NLG	33,750	2,200	6.97%	765,050
SVT	5,830	380	6.97%	140
NKG	23,800	1,550	6.97%	1,220,600

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KLF	2,200	200	10.00%	8,446,360
C69	5,500	500	10.00%	100
VXB	14,300	1,300	10.00%	100
NFC	8,800	800	10.00%	1,700
HGM	42,000	3,800	9.95%	52,000

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TV1	13,950	-1,050	-7.00%	1,120
SC5	29,300	-2,200	-6.98%	260
FDC	18,700	-1,400	-6.97%	180
CLW	17,550	-1,300	-6.90%	2,440
CTF	20,950	-1,550	-6.89%	3,260

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	800	-100	-11.11%	140,801
PSW	8,200	-900	-9.89%	100
SPP	7,300	-800	-9.88%	91,717
KST	19,300	-2,100	-9.81%	1,300
VTV	13,800	-1,500	-9.80%	2,700

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CTG	28,400	450	1.61%	7,849,780
HSG	12,850	800	6.64%	7,358,480
ASM	13,900	900	6.92%	6,602,190
SSI	33,500	100	0.30%	6,196,020
HPG	59,000	-1,000	-1.67%	6,122,250

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KLF	2,200	200	10.00%	8,446,360
PVS	18,200	600	3.41%	5,795,991
DST	3,800	-100	-2.56%	4,969,100
ACB	41,700	-300	-0.71%	4,692,768
HUT	6,800	500	7.94%	3,213,452

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

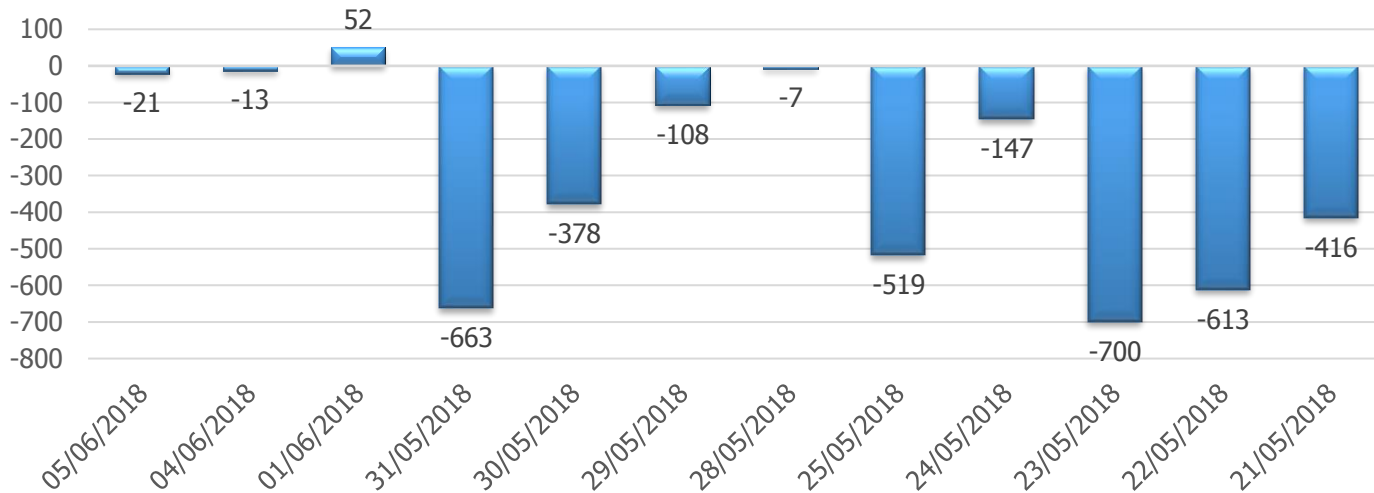
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,900	350	2.79%	8,107,860
CTG	28,400	450	1.61%	7,849,780
HSG	12,850	800	6.64%	7,358,480
FLC	5,180	260	5.28%	7,175,680
ASM	13,900	900	6.92%	6,602,190

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

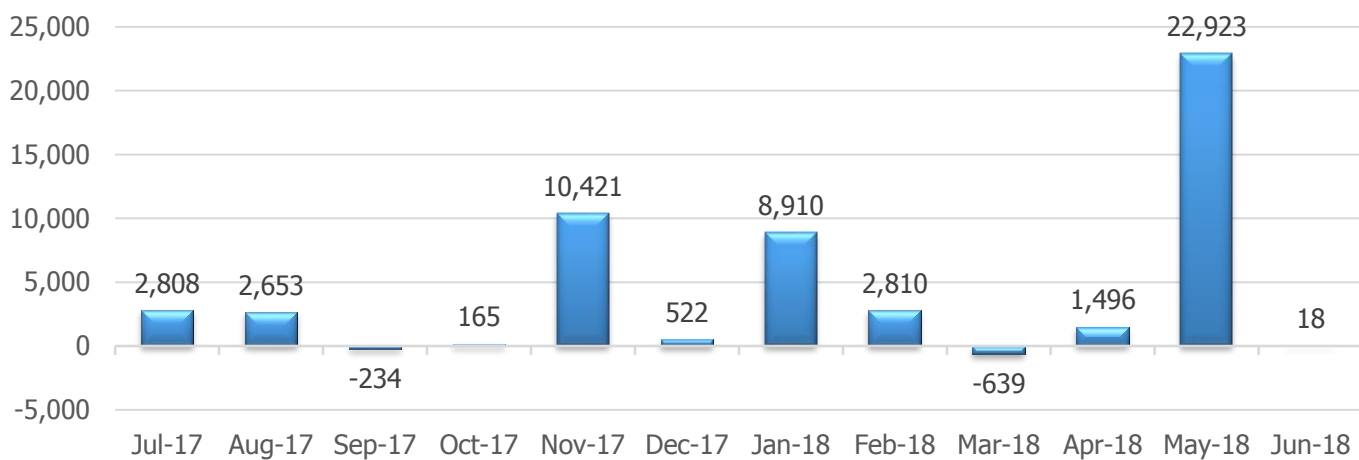
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KLF	2,200	200	10.00%	8,446,360
SHB	9,600	0	0.00%	6,986,622
PVS	18,200	600	3.41%	5,795,991
DST	3,800	-100	-2.56%	4,969,100
ACB	41,700	-300	-0.71%	4,962,768

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VNM	76.41	VHM	43.14
VCB	25.75	MSN	37.07
CTD	20.65	DHG	30.81
VHC	20.56	HSG	22.09
HDB	13.13	E1VFN30	22.03

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
SHS	2.26	VGC	12.61
TTZ	0.22	PVS	7.79
SHB	0.12	CEO	4.09
VGC	0.11	TNG	1.83
KVC	0.06	DBC	0.97

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	91,025	22,614	5,765	17.0%	27.6%	10.41	2.65	5,589,207	59,000	113.63%
2	VNM	10.90%	253,968	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.24	9.84	1,339,969	177,000	18.39%
3	ACV	9.00%	184,233	12,999	2,020	8.9%	16.5%	41.89	6.51	193,913	90,500	77.81%
4	KDH	6.30%	12,837	16,023	1,787	5.7%	9.1%	18.52	2.07	393,138	33,050	39.76%
5	PNJ	6.10%	18,702	29,592	7,717	19.4%	30.7%	22.42	5.85	409,121	179,000	83.24%
6	VJC	4.70%	76,864	25,522	12,201	19.1%	59.3%	13.96	6.67	1,295,696	173,000	86.97%
7	QNS	3.20%	11,711	19,070	3,352	13.9%	22.5%	11.94	2.10	254,740	40,000	-45.71%
8	EIB	3.10%	18,319	11,944	920	0.8%	8.0%	16.20	1.25	3,093,302	15,450	28.45%
9	CTD	3.00%	11,508	97,974	21,298	11.6%	23.3%	6.90	1.50	273,906	156,000	-29.33%
10	PVS	2.60%	7,862	24,097	1,787	3.4%	6.6%	9.85	0.73	6,836,776	18,200	9.80%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	45,549	16,720	2,568	1.0%	17.5%	16.36	2.51	4,418,632	41,700	86.29%
2	MWG	7.20%	35,195	22,494	7,883	12.6%	42.5%	13.83	4.85	596,019	110,900	15.76%
3	MBB	7.07%	55,282	16,226	2,278	1.4%	14.2%	13.37	1.88	6,661,810	30,450	71.88%
4	VNM	6.27%	253,968	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.24	9.84	1,339,969	177,000	18.39%
5	KDH	5.13%	12,837	16,023	1,787	5.7%	9.1%	18.52	2.07	393,138	33,050	39.76%
6	HPG	4.04%	91,025	22,614	5,765	17.0%	27.6%	10.41	2.65	5,589,207	59,000	113.63%
7	FPT	4.00%	28,991	19,513	4,944	11.2%	23.1%	9.56	2.42	2,379,179	47,800	31.60%
8	GAS	3.94%	176,658	22,984	5,231	16.1%	23.3%	17.65	4.02	815,482	98,700	76.80%
9	ACV	3.59%	184,233	12,999	2,020	8.9%	16.5%	41.89	6.51	193,913	90,500	77.81%
10	VJC	3.37%	76,864	25,522	12,201	19.1%	59.3%	13.96	6.67	1,295,696	173,000	86.97%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	73,672	21,127	4,671	2.6%	25.8%	10.53	2.33	4,559,926	49,400	0.00%
2	MWG	13.30%	35,195	22,494	7,883	12.6%	42.5%	13.83	4.85	596,019	110,900	15.76%
3	PNJ	8.57%	18,702	29,592	7,717	19.4%	30.7%	22.42	5.85	409,121	179,000	83.24%
4	FPT	4.88%	28,991	19,513	4,944	11.2%	23.1%	9.56	2.42	2,379,179	47,800	31.60%
5	MBB	4.79%	55,282	16,226	2,278	1.4%	14.2%	13.37	1.88	6,661,810	30,450	71.88%
6	DHG	4.63%	14,251	21,307	4,901	15.5%	22.8%	22.24	5.12	291,071	115,000	-0.48%
7	CTD	4.60%	11,508	97,974	21,298	11.6%	23.3%	6.90	1.50	273,906	156,000	-29.33%
8	CII	4.18%	6,809	20,039	1,161	1.4%	3.7%	23.82	1.38	987,608	28,050	-29.55%
9	CTI	3.52%	1,877	19,088	2,461	3.4%	10.5%	12.11	1.56	452,745	29,500	1.51%
10	VCI	3.41%	11,038	29,933	7,534	15.2%	32.6%	12.21	3.07	219,456	92,200	0.00%
	Tổng		62.80%									

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.41%	316,525	12,501	1,620	2.0%	8.4%	74.08	9.60	2,965,310	121,100	195.57%
2	NVL	7.34%	47,278	17,861	2,108	3.7%	13.6%	24.72	2.92	5,633,181	52,100	0.36%
3	VNM	7.23%	253,968	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.24	9.84	1,339,969	177,000	18.39%
4	CTG	7.11%	104,069	17,690	2,103	0.7%	12.4%	13.29	1.58	6,770,608	28,400	55.05%
5	MSN	7.00%	88,197	14,175	3,328	5.7%	16.6%	25.30	5.94	1,479,463	85,400	92.24%
6	ROS	5.46%	35,191	12,057	1,378	8.3%	14.5%	44.98	5.14	1,258,142	62,700	-33.73%
7	HPG	5.30%	91,025	22,614	5,765	17.0%	27.6%	10.41	2.65	5,589,207	59,000	113.63%
8	Mani	5.24%	111	12,546	1,021	6.1%	8.5%	7.54	0.61	18,124	7,700	-9.82%
9	SSI	5.17%	16,695	17,871	2,607	7.0%	14.5%	12.81	1.87	6,253,496	33,500	34.73%
10	Eclat	4.57%	20	16,394	1,648	6.9%	9.6%	6.74	0.68	10	11,100	-5.13%
11	BVH	3.78%	66,514	20,859	2,358	1.8%	11.1%	40.25	4.55	510,169	94,900	66.45%
12	Synopex	3.76%	781	16,775	1,364	6.9%	8.0%	8.53	0.69	189,498	11,700	5.30%
13	SOCO	3.29%	4,388	12,253	1,010	2.4%	5.7%	11.54	0.95	4,587	11,600	0.00%
14	RMIL	3.24%	11	10,220	884	0.0%	0.0%	11.32	0.98	207	10,000	0.00%
15	Hansae	3.04%	1,664	10,784	723	0.0%	0.0%	16.33	1.09	112	11,800	25.01%
16	VCG	2.73%	8,083	14,706	3,047	6.3%	17.6%	6.01	1.24	1,928,101	18,400	9.23%
17	STB	2.52%	22,636	13,124	753	0.4%	5.9%	16.66	0.96	12,626,672	12,900	1.21%
18	SBT	2.44%	7,828	14,509	1,326	3.0%	7.9%	11.91	1.09	5,846,714	15,750	-49.68%
19	TCH	2.28%	10,139	12,300	1,217	9.1%	9.9%	23.59	2.33	1,862,339	28,350	49.15%
20	MCNEX	1.65%	19	0	-1,325	0.0%	0.0%	-4.00	0.00	0	5,300	0.19%
21	KDC	1.60%	6,972	30,880	1,715	3.1%	4.5%	19.76	1.10	445,268	33,800	-18.49%
22	DPM	1.52%	6,887	20,529	1,665	6.1%	7.9%	10.57	0.86	1,014,853	18,100	-18.24%
23	NT2	1.46%	8,161	18,134	2,706	7.6%	15.7%	10.48	1.56	456,131	28,700	9.87%
24	HAG	1.41%	4,285	14,591	791	1.4%	3.9%	5.84	0.32	6,676,944	4,730	-48.21%
25	HSG	1.20%	4,639	15,704	2,351	4.2%	17.1%	5.13	0.77	3,404,709	12,850	-56.18%
26	DCMI	0.22%	5,744	12,026	1,158	4.9%	9.9%	9.37	0.90	1,101,134	11,100	-16.01%
27	U.S.Dollar	0.0004	494	15,408	2,068	7.2%	14.0%	7.78	1.04	22,834	15,800	38.47%
28	VCB	5.76%	213,348	15,558	2,887	1.1%	19.2%	20.54	3.81	2,886,062	58,600	66.90%
29	VRE	4.34%	86,689	13,995	970	5.0%	7.2%	47.00	3.26	4,492,456	45,300	0.00%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	91,025	22,614	5,765	17.0%	27.6%	10.41	2.65	5,589,207	59,000	113.63%
2	VIC	15.41%	316,525	12,501	1,620	2.0%	8.4%	74.08	9.60	2,965,310	121,100	195.57%
3	MSN	15.32%	88,197	14,175	3,328	5.7%	16.6%	25.30	5.94	1,479,463	85,400	92.24%
4	VNM	12.55%	253,968	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.24	9.84	1,339,969	177,000	18.39%
5	VCB	6.80%	213,348	15,558	2,887	1.1%	19.2%	20.54	3.81	2,886,062	58,600	66.90%
6	NVL	5.84%	47,278	17,861	2,108	3.7%	13.6%	24.72	2.92	5,633,181	52,100	0.36%
7	ROS	5.14%	35,191	12,057	1,378	8.3%	14.5%	44.98	5.14	1,258,142	62,700	-33.73%
8	PVS	5.10%	7,862	24,097	1,787	3.4%	6.6%	9.85	0.73	6,836,776	18,200	9.80%
9	SSI	4.08%	16,695	17,871	2,607	7.0%	14.5%	12.81	1.87	6,253,496	33,500	34.73%
10	STB	2.88%	22,636	13,124	753	0.4%	5.9%	16.66	0.96	12,626,672	12,900	1.21%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VNM	5.65%	253,968	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.24	9.84	1,339,969	177,000	18.39%
2	VIC	2.76%	316,525	12,501	1,620	2.0%	8.4%	74.08	9.60	2,965,310	121,100	195.57%
3	MSN	1.81%	88,197	14,175	3,328	5.7%	16.6%	25.30	5.94	1,479,463	85,400	92.24%
4	HPG	1.43%	91,025	22,614	5,765	17.0%	27.6%	10.41	2.65	5,589,207	59,000	113.63%
5	ROS	0.63%	35,191	12,057	1,378	8.3%	14.5%	44.98	5.14	1,258,142	62,700	-33.73%
6	NVL	0.58%	47,278	17,861	2,108	3.7%	13.6%	24.72	2.92	5,633,181	52,100	0.36%
7	VRE	0.48%	86,689	13,995	970	5.0%	7.2%	47.00	3.26	4,492,456	45,300	0.00%
8	SSI	0.45%	16,695	17,871	2,607	7.0%	14.5%	12.81	1.87	6,253,496	33,500	34.73%
9	STB	0.32%	22,636	13,124	753	0.4%	5.9%	16.66	0.96	12,626,672	12,900	1.21%
10	SAB	0.28%	154,934	22,596	7,527	22.9%	31.6%	32.10	10.69	138,589	247,600	28.21%
11	PVS	0.20%	7,862	24,097	1,787	3.4%	6.6%	9.85	0.73	6,836,776	18,200	9.80%
12	SBT	0.19%	7,828	14,509	1,326	3.0%	7.9%	11.91	1.09	5,846,714	15,750	-49.68%
13	HSG	0.15%	4,639	15,704	2,351	4.2%	17.1%	5.13	0.77	3,404,709	12,850	-56.18%
14	TCH	0.14%	10,139	12,300	1,217	9.1%	9.9%	23.59	2.33	1,862,339	28,350	49.15%
15	DPM	0.13%	6,887	20,529	1,665	6.1%	7.9%	10.57	0.86	1,014,853	18,100	-18.24%
16	KBC	0.10%	5,895	18,088	1,312	4.0%	6.8%	9.57	0.69	3,708,632	12,650	-22.53%
Tổng		15.3%										

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CVT	29.9	33.2	27.2	30.5	29.6					Chờ khớp
	DHT	43.4	48.2	39.6	44.0	43.0					Chờ khớp
	DGW	28.0	31.0	25.5	29.0	27.7					Chờ khớp
	EIB	15.4	17.0	14.0	15.5	15.2					Chờ khớp
	KSB	35.4	39.2	32.2	35.6	35.0					Chờ khớp
	PAC	42.3	46.9	38.5	42.5	41.9					Chờ khớp
	PVD	14.1	15.7	12.9	14.7	14.0					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	ANV	24.0	26.7	21.9	25.5	23.8		28/05/2018		7.1%	Nắm giữ
	FTS	13.9	15.5	12.7	14.2	13.8		05/06/2018		2.9%	Nắm giữ
	GEG	14.1	15.7	12.9	14.1	14.0		05/06/2018		0.7%	Nắm giữ
	NTC	65.7	72.8	59.8	65.0	65.0		05/06/2018		0.0%	Nắm giữ
	BMP	61.4	68.1	55.9	62.6	60.8		04/06/2018		3.0%	Nắm giữ
	PPI	1.2	1.3	1.1	1.2	1.2		04/06/2018		2.5%	Nắm giữ
	DAG	9.2	10.2	8.4	9.4	9.1		01/06/2018		3.3%	Nắm giữ
	DRC	20.5	22.7	18.7	21.4	20.3		30/05/2018		5.4%	Nắm giữ
	TLD	10.5	11.6	9.6	11.2	10.4		30/05/2018		7.7%	Nắm giữ
	VRC	16.2	17.9	14.7	16.2	16.0		30/05/2018		1.3%	Nắm giữ
	LPB	11.9	13.2	10.9	12.8	11.8		30/05/2018		8.5%	Nắm giữ
	NVL	50.5	56.0	46.0	52.1	50.0		25/05/2018		4.2%	Nắm giữ

	TDH	15.2	16.8	13.8	15.6	15.0		25/05/2018		3.7%	Nắm giữ
	KDM	2.6	2.9	2.4	3.7	2.6		24/05/2018		42.3%	Nắm giữ
	DBD	48.8	54.1	44.4	49.00	48.30		22/05/2018		1.4%	Nắm giữ
	TNI	6.5	7.2	5.9	6.6	6.4		14/05/2018		2.3%	Nắm giữ
	BTP	12.1	13.4	11.0	12.0	12.0		26/04/2018		10.5%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	DS3	14.9	16.6	13.6	12.3	14.8	13.0	01/06/2018	05/06/2018	-12.2%	Đã bán
	HMC	15.7	17.4	14.3	17.2	15.5	17.4	21/03/2018	09/05/2018	12.3%	Đã bán
	DVN	16.2	17.9	14.7	16.6	16.0	16.8	03/05/2018	11/05/2018	5.0%	Đã bán
	CLC	34.3	38.1	31.3	31.7	34.0	32.8	03/05/2018	22/05/2018	2.7%	Đã bán
	FPT	61.1	67.8	55.7	59.7	60.5	60.6	16/05/2018	23/05/2018	0.2%	Đã bán
	GDT	49.0	54.3	44.6	45.8	48.5	45.7	02/05/2018	5/29/2018	0.8%	Đã bán

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên
Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Nguyễn Vĩnh Long
Chuyên viên phân tích
Email: longnv@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hương
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com